**TUẦN 4**

**Tiết 17. THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT – CHƠI CHỮ**

**I. Mục tiêu**

**1. Kiến thức**

- Nhận diện và phân tích được tác dụng của biện pháp tu từ chơi chữ trong những trường hợp cụ thể, biết vận dụng biện pháp tu từ chơi chữ, các lối chơi chữ một cách phù hợp.

**2. Về năng lực:**

**a. Năng lực đặc thù**

- HS nhận biết và phân tích được tác dụng của biện pháp tu từ chơi chữ

**b. Năng lực chung**

- Giao tiếp và hợp tác: Kỹ năng giao tiếp và hợp tác nhóm với các thành viên khác.

- Tự chủ và tự học, tự thu thập, tổng hợp và phân loại thông tin.

**3. Về phẩm chất:**

- Nhân ái: yêu ngôn ngữ dân tộc.

- Chăm chỉ: chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi, hoàn thành các bài tập.

- Trách nhiệm: có trách nhiệm với nhiệm vụ được giao, cùng đội nhóm hoàn thành nhiệm vụ.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 9, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v…

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**PP/ KTDH:** Trực quan, gợi mở

**GV cho HS xem hình ảnh và đặt câu hỏi gợi dẫn:** Em có nhận xét gì về đoạn hội thoại trên

****

***- GV dẫn dắt vào bài học mới:*** *Trong giao tiếp hàng ngày, chúng ta rất hay gặp những cách nói chuyện, cách giao tiếp như vậy đúng không nào? Nhưng có bạn nào biết đó, chúng ta đã áp dụng BPTT nào trong đó không, tại sao chúng ta lại dùng nó, hay nói cách khác là sử dụng cách nói đó sẽ có những tác dụng gì? Chúng ta cùng vào bài học ngày hôm nay nhé!*

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**a. Mục tiêu:** HS tìm hiểu kiến thức về BPTT chơi chữ

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV đặt câu hỏi gợi dẫn:** Em hãy trình bày khái niệm chơi chữ?  + Hãy kể tên một số cách chơi chữ thường gặp?  **- Gv hướng dẫn HS phân tích từng ví dụ minh hoạ**  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS suy nghĩ, lắng nghe và trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  **GV mở rộng:** Các bước phân tích tác dụng của biện pháp tu từ chơi chữ  **+ Bước 1**: Nêu tên biện pháp tu từ (cách chơi chữ)  **+ Bước 2:** Chỉ rõ từ ngữ thể hiện biện pháp chơi chữ  **+ Bước 3**: Nêu tác dụng | **I. Hình thành kiến thức**  **1. Khái niệm**  - **Chơi chữ** là biện pháp tu từ vận dụng các đặc điểm ngữ âm, ngữ nghĩa của từ ngữ một cách khéo léo nhằm đem lại những liên tưởng bất ngờ, thú vị cho người đọc (người nghe)  **2. Một số cách chơi chữ thường gặp**  – Dùng từ đồng âm.  – Dùng từ gần âm (trại âm).  – Dùng lối điệp âm.  – Dùng từ đồng nghĩa, gần nghĩa hoặc cùng trường nghĩa  – Dùng từ trái nghĩa.  – Dùng lối nói lái.  **🡪 Có thể sử dụng độc lập hoặc kết hợp với nhau**  **\* Dùng từ đồng âm.**  *Bà già đi chợ Cầu Đông*  *Bói xem một quẻ lấy chồng lợi chăng?*  *Thầy bói xem quẻ nói rằng:*  ***Lợi*** *thì có* ***lợi****, nhưng răng không còn?*  *(Ca dao)*  - **Lợi 1:** lợi ích  - **Lợi 2:** phần thịt bao quanh chân răng  **🡪** Âm giống nhau – Nghĩa khác nhau **🡪Hiện tượng đồng âm**  🡪 Tạo ra sự hài hước, dí dỏm, làm tăng sức hấp dẫn cho bài ca dao  **\* Dùng từ gần âm (trại âm)**  *Sánh với Na-va* ***“ranh tướng”*** *Pháp*  *Tiếng tăm nồng nặc ở Đông Dương*  **+ Ranh tướng** (ranh: ma mãnh; bé, nhỏ, oắt con)  **+ Danh tướng**: viên tướng có tài năng nức tiếng  🡪 Dùng **“ranh tướng”** để chế giễu tên tướng giặc một sách sâu cay  **\* Dùng lối điệp âm**  *Mênh mông muôn mẫu một màu mưa*  *Mỏi mắt miên man mãi mịt mờ*  **+ Điệp âm “m”**  🡪 Diễn tả vẻ mịt mờ của không gian đầy mưa, đồng thời tạo ấn tượng thú vị, sâu sắc cho câu thơ  **\* Dùng lối nói lái**  *Cô* ***công*** *nói với cậu* ***rùa,***  ***Rồng*** *ở dưới đất, còn* ***cua*** *trên trời*  **- Công, rùa - cua, rồng** (phụ âm đầu của tiếng này ghép với phần vần của tiếng kia)  **🡪 Tạo cảm nhận thú vị, bất ngờ**  **\* Dùng từ trái nghĩa**  *Ngọt thơm sau lớp vỏ gai,*  *Quả ngon lớn mãi cho ai đẹp lòng.*  *Mời cô, mời bác ăn cùng,*  ***Sầu riêng*** *mà hoá* ***vui chung*** *trăm nhà.*  **+ Sầu riêng:** tên một loại trái cây  **+ Vui chung**: niềm vui của nhiều người  **- Sầu riêng >< vui chung** 🡪 Tạo nên ý thơ bất ngờ, thú vị  **\* Dùng từ đồng nghĩa, gần nghĩa hoặc cùng trường nghĩa**  ***Chàng Cóc*** *ơi! Chàng* ***Cóc*** *ơi!*  *Thiếp* ***bén*** *duyên chàng có thế thôi*  ***Nòng nọc*** *đứt đuôi từ đây nhé,*  *Ngàn vàng khôn* ***chuộc*** *dấu bôi vôi.*  **+ Chàng:** chẫu chàng  **+ Cóc, bén:** nhái bén  **+ Nòng nọc, chuộc:** chẫu chuộc  - Tác giả sử dụng một loạt từ là tên những con vật lưỡng cư 🡪 Tạo sự hài hước, dí dỏm |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** HS vận dụng được những tri thức đã biết để giải các bài tập về BPTT chơi chữ

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV tổ chức hoạt động DÂN HỎI BỘ TRƯỞNG TRẢ LỜI** (bài tập 1)  - GV dùng vòng quay gọi tên lên làm Bộ trưởng - Vua - Trời. Được tại vị 10 phút. Tuy nhiên có ngồi được đến hết nhiệm kì hay không là do khả năng của bạn có trả lời được các câu hỏi của dân hay không? Trả lời được càng nhiều càng được dân ủng hộ. Bộ trưởng khi ngồi lên ghế nóng để dân hỏi được dùng sgk làm công cụ hỗ trợ. Tuy nhiên trong 10 giây không đưa ra được câu trả lời được sẽ bị phế truất về chỗ. Gọi bạn khác lên thay.  - Dân đặt câu hỏi phải biết câu trả lời đúng. Hỏi câu hỏi trong nội dung bài tập 1 và đặt câu hỏi đúng ngắn gọn súc tích. Dân được chỉ định hỏi mà đứng lên ko trả lời được trong 5 giây sẽ bị bộ trưởng phạt nha. Dân đừng quên HÃY LUÔN ĐỂ BỘ TRƯỞNG BẬN RỘN ĐỪNG ĐỂ BỘ TRƯỜNG NGỒI CHƠI. Hãy hỏi nhiều và liên tục nhé.  **- GV tổ chức hoạt động nhóm bàn**: Nêu một trường hợp trong giao tiếp hàng ngày hoặc trong tác phẩm văn học có sử dụng biện pháp tu từ chơi chữ. Tác dụng khi sử dụng trường hợp đó.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS hoàn thành bài tập, thảo luận, báo cáo sản phẩm nhóm  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **Bài tập 1**  **a. Đồng âm**  *+ chín* (1): tính từ chỉ khả năng nắm chắc, tinh thông, kĩ lưỡng, đầy đủ mọi khía cạnh  *+ chín* (2): danh từ chỉ số lớn nhất có một chữ số trong dãy số tự nhiên, tượng trưng cho ý nghĩa là nhiều.  🡪 Làm phong phú cho tư duy (cùng một âm đọc nhưng có thể là những từ khác nhau, biểu thị các ý nghĩa khác nhau)  **b. Đồng âm kết hợp với đồng nghĩa**  *+ phụ (*Hán Việt): cha, đồng âm với *phụ* trong từ đậu phụ  *+ mẫu (*Hán Việt): mẹ, đồng âm với *mẫu* trong từ ích mẫu.  🡪 Vừa giúp làm phong phú tư duy (kiến thức về các yếu tố Hán Việt đồng âm), vừa tạo nên sự ý vị, hấp dẫn cho lời nói (tên các thức bồi bổ cho cơ thể lại chứa yếu tố mang ý nghĩa gợi nhớ tới cha mẹ)  **c. Cùng trường nghĩa kết hợp từ đồng âm**  *+ cáo* (con cáo) cùng trường nghĩa với *mèo* (con mèo): loài thú, **đồng thời đồng âm** với *cáo* trong từ *mắt cáo* (chỉ các lỗ trống được tạo ra bởi các nan đan lại với nhau của bờ giậu)  *+ tôm* (con tôm) cùng trường nghĩa với *tép* (con tép): loài sống ở dưới nước, đồng thời đồng âm với *tôm* trong cụm từ *lòng tôm* (chỉ hình dáng lõm, võng xuống của lòng rổ).  🡪 Vừa giúp làm phong phú tư duy (liên tưởng các từ gần âm trong cùng một trường nghĩa), vừa tạo nên sự hấp dẫn cho lời nói.  **d. Kết hợp từ trái nghĩa với từ đồng âm**  *+ bánh cả thúng* (nhiều bánh), *bánh ít (tên bánh)*, đồng âm với từ ít (trái nghĩa với *nhiều*)  *+ trầu cả khay* (nhiều trầu), *trầu không (tên gọi),* đồng âm với từ *không* (trái nghĩa với *có*).  🡪 Vừa giúp làm phong phú tư duy, vừa tạo nên sự hấp dẫn cho lời nói (lời nói tưởng như vô lí mà thực ra là có lí)  **e. Dùng từ cùng trường nghĩa**  *+ nếp*, *xôi*, *gạo*, *cơm* đều là những danh từ có liên quan đến cây lúa.  🡪 Giúp tạo nên sự ý vị, hấp dẫn cho lời nói (những sản vật của nền nông nghiệp lúa nước cùng được nhắc đến trong câu ca dao một cách thân thương).  **g. Dùng từ đồng âm**  *+ đá* (động từ chỉ hành động dùng chân tác động lên một đối tượng nào đó), đồng âm với *đá* (danh từ chỉ một loại chất rắn tồn tại nhiều trong vỏ Trái Đất)  🡪 Vừa giúp làm phong phú tư duy (buộc người nghe phải suy nghĩ để hiểu lời nói đang diễn tả điều gì), vừa tạo nên sự hấp dẫn cho lời nói (lời nói thoạt nghe khó hiểu, như một câu đố; nhưng khi nhận ra hiện tượng đồng âm thì lại thấy ý nghĩa rất giản dị)  **h. Dùng từ đồng âm kết hợp từ cùng trường nghĩa**  + *chợ Đồng Nai*, *Bến Nghé, anh Hươu (địa danh, nhân danh)* chứa các tiếng đồng âm với *hươu*, *nai*, *nghé(* loài động vật)  + *hươu*, *nai*, *nghé*, *bò:* cùng trường nghĩa (danh từ chỉ các loài động vật bốn chân)  🡪 Giúp tạo nên sự ý vị, hấp dẫn cho lời nói (các địa danh có âm đọc gần với tên các loài vật)  **i. Dùng lối nói lái**  *+ cá đối*/ *cối đá*  + *mèo cái*/ *mái kèo*.  🡪 Vừa giúp làm phong phú tư duy (lời nói khiến người nghe phải suy ngẫm lí do vì sao các con vật lại ở vị trí ấy), vừa tạo nên sự hấp dẫn cho lời nói (mối liên hệ thú vị giữa tên gọi các con vật với vị trí chúng hiện diện)  **k. Dùng từ đồng âm**  + *dầu* (nhiên liệu), đồng âm với từ *dầu (*dược phẩm)  + *bắp* (*ngô*, lương thực), đồng âm với từ *bắp* (trong *bắp chuối*) để chỉ hoa chuối khi các cánh còn cuộn tròn, chưa nở  + *than* (nhiên liệu, thường có màu đen), đồng âm với từ *than (*hành động thốt lên thành lời về nỗi khổ, nỗi bất hạnh của mình)  + *bạc* (kim loại), đồng âm với từ bạc (không có tình nghĩa)  🡪 Vừa giúp làm phong phú tư duy (mở rộng liên tưởng về các từ đồng âm), vừa tạo nên sự ý vị, hấp dẫn cho lời nói (tạo sự bất ngờ).  **Bài tập 2**   1. *Mùa* ***xuân*** *em đi chợ* ***Hạ***   *Mua cá* ***thu*** *về, chợ hãy còn* ***đông****.*  (Ca dao)  **- Biện pháp dùng từ cùng trường nghĩa** (*xuân, hạ, thu, đông* chỉ 4 mùa) kết hợp từ đồng âm (*Hạ* (địa danh)*, thu* (loài cá), *đông* (đông đúc, nhiều người)*.*  **- Tác dụng:** vừa giúp làm phong phú tư duy, vừa tạo nên sự bất ngờ cho lời nói.  *2. - Đụng là cháy – chạy là đúng*  *- Chả sợ gì – chỉ sợ già*  **Biện pháp dùng lối nói lái:**  🡺 **Tác dụng:** Gây tiếng cười, hài hước dí dỏm cho người nghe |

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**GV nêu nhiệm vụ:** Xây dựng một đoạn hội thoại với bạn cùng bàn, trong đó có sử dụng ít nhất một biện pháp tu từ chơi chữ

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**\* Hướng dẫn học ở nhà**

- Nắm được kiến thức về chơi chữ

- Làm được các bài tập

- Chuẩn bị bài: vb2. Tiếng đàn mưa

- Đọc bài thơ và trả lời câu hỏi sgk

**IV. HỒ SƠ DẠY HỌC**

- Phiếu học tập: số 1

**\* Phụ lục:**

Rubic đánh giá hoạt động thảo luận nhóm

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TIÊU CHÍ** | **CẦN CỐ GẮNG**  **(0 – 4 điểm)** | **TỐT**  **(5 – 7 điểm)** | **XUẤT SẮC**  **(8 – 10 điểm)** |
| **Hình thức**  **(2 điểm)** | **0 điểm**  Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả  Sai lỗi chính tả | **1 điểm**  Bài làm tương đối đẩy đủ, chỉn chu  Trình bày cẩn thận  Không có lỗi chính tả | **2 điểm**  Bài làm tương đối đẩy đủ, chỉn chu  Trình bày cẩn thận  Không có lỗi chính tả  Có sự sáng tạo |
| **Nội dung**  **(6 điểm)** | **1 - 3 điểm**  Chưa trả lơi đúng câu hỏi trọng tâm  Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn  Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện | **4 – 5 điểm**  Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn  Trả lời đúng trọng tâm  Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao | **6 điểm**  Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn  Trả lời đúng trọng tâm  Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao  Có sự sáng tạo |
| **Hiệu quả nhóm**  **(2 điểm)** | **0 điểm**  Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ  Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động | **1 điểm**  Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thống nhất  Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động | **2 điểm**  Hoạt động gắn kết  Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo  Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động |
| **Điểm** |  |  |  |
| **TỔNG** |  | | |

**IV. RÚT KINH NGHIỆM**

..................................................................................................................................................................................................................................................................................................

---------------------------------------------------------------